

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 25-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Lộ;
2. Bà Nguyễn Quỳnh Nga.

Thư ký phiên toà: Bà Lầu Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà: Ông Hà Lập Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lý A D, sinh năm 1960 tại xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn H, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Lý A V (đã chết) và bà Mùa Thị D (đã chết); có vợ là Mùa Thị S, sinh năm 1962 và có 06 con; tiền án không; tiền sự không; nhân thân: Đã đi cai nghiện cộng đồng 02 lần; lần thứ nhất: Năm 2009 cai nghiện tại Trại y tế xã P, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thời gian từ ngày 03/8/2009 đến ngày 03/11/2009; lần thứ hai: Năm 2012 tại khu 4, thị trấn T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, thời gian từ ngày 10/9/2012 đến ngày 10/12/2012. Bị tạm giam từ ngày 10 tháng 10 năm 2018 đến ngày 23 tháng 11 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “Có mặt”.

2. Giàng A C, sinh năm 1977 tại xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng

trọt; trình độ văn hóa 5/12; dân tộc Mông; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Giàng A C, sinh năm 1956 và bà Thào Thị D (đã chết); có vợ là Thào Thị S và có 04 con; tiền án không; tiền sự không; nhân thân ngày 18/4/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử 03 năm tù về tội “*Chiếm đoạt vật liệu nổ*”; bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 10 năm 2018 đến ngày 10 tháng 10 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Duy - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Bà Mùa Thị S, sinh năm 1962; nơi cư trú thôn H, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người làm chứng:* Giàng A C, sinh năm 1976; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người chứng kiến:* Giàng A P, sinh năm 1985; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A Làng- Cán bộ Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút, ngày 08/10/2018 tại thôn T, xã T, huyện Trạm Tấu; Công an huyện Trạm Tấu phát hiện, bắt quả tang Giàng A C, đang có hành vi hút thuốc phiện tại giường ngủ trong nhà C; thu giữ 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen, C khai nhận chất nhựa dẻo màu nâu đen bị thu giữ là thuốc phiện, C đã mua của Lý A D trú tại thôn H, xã T, huyện Trạm Tấu; mục đích mua về để sử dụng. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lý A D, cơ quan điều tra thu giữ 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa 02 gói chất nhựa dẻo màu nâu đen, Lý A D khai nhận chất nhựa dẻo màu nâu đen bị thu giữ là thuốc phiện; nguồn gốc số thuốc phiện bị thu giữ là ngày 07/10/2018, tại khu vực suối M, thôn H, xã T, huyện Trạm Tấu, D đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông, không quen biết với giá 2.200.000 đồng. Ngày 08/10/2018 D đã bán một gói thuốc phiện cho Giàng A C, với giá 250.000 đồng và bán cho nhiều người khác nhưng D không biết tên, địa chỉ cụ thể của những người này. Ngày 09/10/2018 bị Công an huyện Trạm Tấu phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 174/GĐMT ngày 16/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Giàng A C có khối lượng là 2,2 gam; 2,2 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen gửi giám định là ma túy, là thuốc phiện.

Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Lý A D có khối lượng là 03 gam; 03 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen gửi giám định là ma túy, là thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-TT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Lý A D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Giàng A C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mình đã thực hiện. Bị cáo Giàng A C đề nghị nhận lại điện thoại, người có quyền lợi liên quan đề nghị được nhận lại tiền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lý A D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Giàng A C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý A D từ 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 03 (*ba*) năm tù; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A C từ 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố Tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu tiêu hủy: 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, trong đó một vỏ phong bì có gói nylon màu trắng; 02 (*hai*) bộ bàn đèn tự tạo, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (*một*) cân tiêu ly đã cũ, đã qua sử dụng và 01 (*một*) túi vải thổ cẩm nhiều màu sắc khác nhau, có dây đeo, đã cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Giàng A C: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho người có quyền lợi liên quan bà Mùa Thị S: 3.150.000 (*ba triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng được niêm phong trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

Tịch thu 250.000 đồng tiền bị cáo D đã bán ma túy cho bị cáo C.

Về án phí: Buộc các bị cáo Lý A D và Giàng A C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Giàng A C không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Lý A D trình bày: Bị cáo đã già, bệnh nặng, không còn khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; sau khi tội phạm bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo của xã. Gia đình bị cáo C đông con, con còn nhỏ bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo D đã già, bệnh nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý A D 02 (hai) năm tù; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A C 01 (một) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho bà Mùa Thị S 3.150.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì; người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Ý kiến tranh đối đáp của Kiểm sát viên:

- Các bị cáo nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, theo lời bào chữa của người bào chữa.

- Bị cáo D là người nghiện ma túy vì vậy xác định bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên việc bị cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ.

Người bào chữa, các bị cáo không có ý kiến đối đáp gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Đối với Giàng A C: Vào khoảng 22 giờ 45 phút, ngày 08/10/2018 tại nhà riêng Giàng A C, thôn T, xã T, huyện Trạm Tấu; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Giàng A C đã có hành vi cất giữ bất hợp pháp 2,2 gam thuốc phiện, tại giường ngủ nhà C, với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Đối với Lý A D: Ngày 09/10/2018 Công an huyện Trạm Tấu tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lý A D, thu giữ 03 gam thuốc phiện; nguồn gốc số thuốc phiện bị thu giữ là ngày 07/10/2018, tại khu vực suối M, thôn H, xã T, huyện Trạm Tấu, D đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, với giá 2.200.000 đồng. Ngày 08/10/2018 D đã bán một gói thuốc phiện cho Giàng A C, với giá 250.000 đồng; 03 gam thuốc phiện Lý A D tàng trữ nhằm mục đích để sử dụng và bán lại kiếm lời.

[3] Các bị cáo Lý A D và Giàng A C là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội. Bị cáo D do vụ lợi nên đã cố ý thực hiện, nhằm mục đích thu lời bất chính; bị cáo C cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân.

[4] Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Giàng A C và Lý A D là độc lập không liên quan đến nhau, nên đây không phải là trường hợp đồng phạm.

[6] Từ những nhận định trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo Lý A D thực hiện đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251. Bị cáo Giàng A C phạm tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Giàng A C và bị cáo Lý A D là người nghiện chất ma túy; ngoài ra C có 01 tiền án, D đã đi cai nghiện tại cộng đồng 02 lần nhưng vẫn tái nghiện (tiền án, tiền sự của các bị cáo đã được xóa). Nên cần xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[9] Đối với lời bào chữa của người bào chữa, đánh giá nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế, nên đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không đủ căn

cứ, bởi các bị cáo nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Lời đối đáp của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên cần được chấp nhận. Bị cáo D đề nghị được hưởng án treo, xét thấy bị cáo D có nhân thân xấu, có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên việc bị cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ.

Hành vi tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, nên cần phải xử phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chỉ chứng minh D bán ma túy cho C một lần; C tàng trữ ma túy với khối lượng ít, nên mức hình phạt của các bị cáo cũng chỉ ở trên mức tối thiểu của khung hình phạt không nhiều, tương ứng với khung hình phạt và tội danh mà các bị cáo phạm phải. Như vậy, cũng đủ giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung, đồng thời có thời gian để các bị cáo cai nghiện.

Bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C, vì tội mua bán trái phép chất ma túy có mức hình phạt cao hơn tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, không có tài sản gì có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với: 2,2 gam thuốc phiện thu giữ của bị cáo Giàng A C và 03 gam thuốc phiện thu giữ của bị cáo Lý A D, cơ quan điều tra đã sử dụng hết vào việc giám định, nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với: 3.400.000 đồng thu giữ của bị cáo Lý A D, trong đó có 250.000 (*hai trăm năm mươi nghìn*) đồng là tiền do D bán ma túy cho C mà có, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Số tiền còn lại 3.150.000 đồng là tiền của gia đình bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên trả số tiền cho gia đình bị cáo, cụ thể là trả cho vợ bị cáo D là Mùa Thị S, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 (*một*) túi vải thổ cẩm nhiều màu sắc khác nhau, có dây đeo, đã cũ, đã qua sử dụng; 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, trong đó một vỏ phong bì có gói nilon màu trắng; 02 (*hai*) bộ bàn đèn tự tạo, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (*một*) cân tiêu ly đã cũ, đã qua sử dụng. Đây là những vật không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 (*một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Giàng A C, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho bị cáo, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Về án phí và các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người Lý A D khai đã bán thuốc phiện cho D. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lý A D khai nhận ngoài bán thuốc phiện cho Giàng A C, bị cáo còn bán cho 05, 06 người khác nhưng đều không biết tên và địa chỉ cụ thể của người mua, Cơ quan điều tra không xác định được, nên không có căn cứ để xử lý. Lý A D đã cho Giàng A C hút thuốc phiện một lần, Giàng A C cho Giàng A C1 hút thuốc phiện một lần, những lần cho hút này D và C đều không thu tiền hay vật chất gì; D, C và C1 đều là người nghiện, nên hành vi này của D và C đều không cấu thành tội phạm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lý A D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo Giàng A C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý A D 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 45 (*bốn mươi lăm*) ngày tạm giam.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Giàng A C 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 02 (*hai*) ngày tạm giữ.

3. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng các điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 250.000 (*hai trăm năm mươi nghìn*) đồng được niêm phong trong một phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) túi vải thổ cẩm nhiều màu sắc khác nhau, có dây đeo, đã cũ, đã qua sử dụng; 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, trong đó một vỏ phong bì có gói nilon màu trắng; 02 (*hai*) bộ bàn đèn tự tạo, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (*một*) cân tiêu ly đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại bị cáo Giàng A C: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại Mùa Thị S 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo D và bị cáo C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan Mùa Thị S có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã T; huyện Trạm Tấu (TB);
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Xuân